

Số: 857 /LĐTBXH

Cam Lâm, ngày 24 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO**  
**Về việc kết quả thực hiện công tác cập nhật**  
**thông tin cơ sở dữ liệu thị trường lao động**  
**Phản Cung Cầu lao động năm 2018**

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-SLĐTBXH ngày 26/6/2018 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh về việc thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động Phản cung cầu lao động tỉnh Khánh Hòa năm 2018;

Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả triển khai thực hiện tại địa phương như sau:

**I. Đối với Cung lao động:**

**1. Kết quả thực hiện năm 2018**

- Số hộ gia đình đã thực hiện:

DVT: hộ gia đình

| STT | Xã/phường/thị trấn | Số hộ đã điều tra thu thập và cập nhật thông tin Cung lao động năm 2018 |                              |            |            |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------|------------|
|     |                    | Tổng số                                                                 | Số hộ có thông tin biến động | Số hộ tăng | Số hộ giảm |
| 1   | Thị trấn Cam Đức   | 1.131                                                                   | 1.014                        | 76         | 41         |
| 3   | Xã Cam Hải Tây     | 557                                                                     | 484                          | 23         | 50         |
| 2   | Xã Cam An Bắc      | 903                                                                     | 892                          | 4          | 7          |
| 4   | Xã Cam Tân         | 670                                                                     | 619                          | 47         | 4          |
| 5   | Xã Cam Hoà         | 1.393                                                                   | 1.283                        | 82         | 28         |
| 6   | Xã Cam An Nam      | 1.002                                                                   | 944                          | 22         | 36         |
| 7   | Xã Cam Phước Tây   | 717                                                                     | 630                          | 31         | 56         |
| 8   | Xã Cam Hải Đông    | 170                                                                     | 158                          | 5          | 7          |
| 9   | Xã Cam Hiệp Nam    | 800                                                                     | 714                          | 53         | 33         |
| 10  | Xã Suối Cát        | 1.215                                                                   | 1.165                        | 21         | 29         |
| 11  | Xã Cam Thành Bắc   | 1.458                                                                   | 1.344                        | 81         | 33         |
| 12  | Xã Suối Tân        | 1.558                                                                   | 1.550                        | 6          | 2          |
| 13  | Xã Sơn Tân         | 188                                                                     | 155                          | 10         | 23         |
| 14  | Xã Cam Hiệp Bắc    | 299                                                                     | 288                          | 6          | 5          |
|     | <b>Cộng</b>        | <b>12.061</b>                                                           | <b>11.240</b>                | <b>467</b> | <b>354</b> |

- Kinh phí của địa phương hỗ trợ thực hiện cung lao động năm 2018:

ĐVT:1.000 đồng

| ST<br>T | Xã/phường/thị<br>trấn    | Trả công ghi chép                                   |                                                              | Trả công<br>nhập tin<br>(3.000đ/h<br>ộ) | Trả<br>công<br>kiểm<br>tra<br>giám<br>sát<br>(1.000<br>đ/hộ) | Trả<br>công<br>tổng<br>hợp<br>báo<br>cáo | Kinh<br>phí<br>hỗ<br>trợ<br>khác | Tổng<br>cộng<br>kinh phí |
|---------|--------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|
|         |                          | Hộ có<br>thông tin<br>biên<br>động<br>5.000đ/h<br>ộ | Hộ<br>không<br>có thông<br>tin biên<br>động<br>3.000đ/h<br>ộ |                                         |                                                              |                                          |                                  |                          |
| 1       | Thị trấn Cam Đức         | 5.655                                               | 8.832                                                        | 3.393                                   | 4.075                                                        | 375                                      |                                  | 22.779                   |
| 3       | Xã Cam Hải Tây           | 2.785                                               | 3.096                                                        | 1.671                                   | 1.589                                                        | 375                                      |                                  | 10.155                   |
| 2       | Xã Cam An Bắc            | 4.515                                               | 1.200                                                        | 2.709                                   | 1.303                                                        | 375                                      |                                  | 12.411                   |
| 4       | Xã Cam Tân               | 3.350                                               | 4.680                                                        | 2.010                                   | 2.230                                                        | 375                                      |                                  | 13.095                   |
| 5       | Xã Cam Hoà               | 6.965                                               | 6.396                                                        | 4.179                                   | 3.525                                                        | 375                                      |                                  | 23.487                   |
| 6       | Xã Cam An Nam            | 5.010                                               | 1.236                                                        | 3.006                                   | 1.414                                                        | 375                                      |                                  | 13.635                   |
| 7       | Xã Cam Phước Tây         | 3.585                                               | 3.318                                                        | 2.151                                   | 1.823                                                        | 375                                      |                                  | 12.297                   |
| 8       | Xã Cam Hải Đông          | 850                                                 | 1.503                                                        | 510                                     | 671                                                          | 375                                      |                                  | 3.918                    |
| 9       | Xã Cam Hiệp Nam          | 4.000                                               | 2.340                                                        | 2.400                                   | 1.580                                                        | 375                                      |                                  | 12.315                   |
| 10      | Xã Suối Cát              | 6.075                                               | 4.311                                                        | 3.645                                   | 2.652                                                        | 375                                      |                                  | 19.266                   |
| 11      | Xã Cam Thành Bắc         | 7.290                                               | 6.645                                                        | 4.374                                   | 3.673                                                        | 375                                      |                                  | 24.516                   |
| 12      | Xã Suối Tân              | 7.790                                               | 1.353                                                        | 4.674                                   | 2.009                                                        | 375                                      |                                  | 20.424                   |
| 13      | Xã Sơn Tân               | 940                                                 | 345                                                          | 564                                     | 303                                                          | 375                                      |                                  | 2.976                    |
| 14      | Xã Cam Hiệp Bắc          | 1.495                                               | 1.689                                                        | 897                                     | 862                                                          | 375                                      |                                  | 5.652                    |
| 15      | Phòng Lao động -<br>TBXH |                                                     |                                                              |                                         |                                                              | 1.000                                    | 625                              | 1.625                    |
|         | <b>Cộng</b>              | <b>60.305</b>                                       | <b>46.944</b>                                                | <b>36.183</b>                           | <b>27.709</b>                                                | <b>6.250</b>                             | <b>625</b>                       | <b>198.551</b>           |

## 2. Số lượng nhân lực tham gia điều tra cung lao động năm 2018:

- Điều tra viên: 99 người.
- Kiểm tra giám sát: 36 người, trong đó:
  - + Cấp huyện: 8 người.
  - + Cấp xã: 28 người.

## II. Đối với Cầu lao động:

### 1. Kết quả thực hiện năm 2018

ĐVT: Doanh nghiệp

| STT | Xã/phường/thị trấn | Số doanh nghiệp đã điều tra thu thập, cập nhật thông tin Cầu lao động năm 2018 |                                   |                                       |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|
|     |                    | Tổng số                                                                        | Số doanh nghiệp cập nhật năm 2017 | Số doanh nghiệp điều tra mới năm 2018 |
| 1   | Thị trấn Cam Đức   | 21                                                                             | 19                                | 2                                     |
| 2   | Xã Cam Hải Tây     | 14                                                                             | 12                                | 2                                     |
| 3   | Xã Cam An Bắc      | 0                                                                              | 0                                 |                                       |
| 4   | Xã Cam Tân         | 6                                                                              | 5                                 | 1                                     |
| 5   | Xã Cam Hoà         | 5                                                                              | 4                                 | 1                                     |
| 6   | Xã Cam An Nam      | 3                                                                              | 3                                 |                                       |
| 7   | Xã Cam Phước Tây   | 6                                                                              | 3                                 | 3                                     |
| 8   | Xã Cam Hải Đông    | 17                                                                             | 15                                | 2                                     |
| 9   | Xã Cam Hiệp Nam    | 3                                                                              | 3                                 | 0                                     |
| 10  | Xã Suối Cát        | 21                                                                             | 20                                | 1                                     |
| 11  | Xã Cam Thành Bắc   | 16                                                                             | 15                                | 1                                     |
| 12  | Xã Suối Tân        | 9                                                                              | 6                                 | 3                                     |
| 13  | Xã Sơn Tân         | 0                                                                              | 0                                 |                                       |
| 14  | Xã Cam Hiệp Bắc    | 1                                                                              | 1                                 |                                       |
|     | <b>Cộng</b>        | <b>122</b>                                                                     | <b>106</b>                        | <b>16</b>                             |

- Kinh phí của địa phương hỗ trợ thực hiện cầu lao động năm 2018:

ĐVT:1.000 đồng

| STT | Xã/phường/thị trấn    | Tổng số doanh nghiệp | Trả công ghi phiếu (40.000đ/p phiếu) | Trả công nhập tin (5.000đ/p phiếu) | Kinh phí hỗ trợ khác (Xây dựng kế hoạch, tổng hợp báo cáo) | Tổng cộng kinh phí |
|-----|-----------------------|----------------------|--------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Thị trấn Cam Đức      | 21                   | 840                                  | 105                                |                                                            | 945                |
| 2   | Xã Cam Hải Tây        | 14                   | 560                                  | 70                                 |                                                            | 630                |
| 3   | Xã Cam An Bắc         | 0                    | 0                                    | 0                                  |                                                            | 0                  |
| 4   | Xã Cam Tân            | 6                    | 240                                  | 30                                 |                                                            | 270                |
| 5   | Xã Cam Hoà            | 5                    | 200                                  | 25                                 |                                                            | 225                |
| 6   | Xã Cam An Nam         | 3                    | 120                                  | 15                                 |                                                            | 135                |
| 7   | Xã Cam Phước Tây      | 6                    | 240                                  | 30                                 |                                                            | 270                |
| 8   | Xã Cam Hải Đông       | 17                   | 680                                  | 85                                 |                                                            | 765                |
| 9   | Xã Cam Hiệp Nam       | 3                    | 120                                  | 15                                 |                                                            | 135                |
| 10  | Xã Suối Cát           | 21                   | 840                                  | 105                                |                                                            | 945                |
| 11  | Xã Cam Thành Bắc      | 16                   | 640                                  | 80                                 |                                                            | 720                |
| 12  | Xã Suối Tân           | 9                    | 360                                  | 45                                 |                                                            | 405                |
| 13  | Xã Sơn Tân            | 0                    | 0                                    | 0                                  |                                                            | 0                  |
| 14  | Xã Cam Hiệp Bắc       | 1                    | 40                                   | 5                                  |                                                            | 45                 |
| 15  | Phòng Lao động - TBXH |                      |                                      |                                    | 1.000                                                      | 1.000              |
|     | <b>Cộng</b>           | <b>122</b>           | <b>4.880</b>                         | <b>610</b>                         | <b>1.000</b>                                               | <b>6.490</b>       |

**2. Số lượng nhân lực tham gia điều tra cung lao động năm 2018:**

- Điều tra viên: 12 người.
- Kiểm tra giám sát: 8 người, trong đó:
  - + Cấp huyện: 8 người.

### **III. Nhận xét, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Thuận lợi**

Được sự quan tâm của Lãnh đạo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và UBND huyện Cam Lâm nên trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đều được hỗ trợ giải quyết kịp thời.

Dữ liệu điều tra viên khá sát với thực tế, phục vụ công tác phân nguồn lao động, đào tạo nghề và giải quyết việc làm.

#### **2 Khó khăn**

##### **2.1 Về Cung lao động**

Do năm nay, điều tra Cung lao động trùng với thời gian thu thập thông tin khu dân cư nên các điều tra viên làm một lúc hai công việc làm ảnh hưởng đến tiến độ điều tra.

Điều tra viên ở thôn, tổ dân phố có thay đổi nên khi ghi sổ cập nhật bị sai sót dẫn đến gạch xóa

##### **2.2 Về Cầu lao động**

Có nhiều doanh nghiệp có đăng ký hoạt động trên địa bàn nhưng khi điều tra viên tìm đến địa chỉ đăng ký để điều tra thì không thấy, liên hệ bằng điện thoại thì không được hoặc chủ doanh nghiệp báo ngừng hoạt động.

Các doanh nghiệp chưa thực sự phối hợp nên các điều tra viên gặp khó khăn trong việc tiếp cận để thu thập thông tin, nhất là các công ty du lịch thuộc khu du lịch Bắc Bán đảo Cam Ranh.

Trên địa bàn huyện Cam Lâm có rất nhiều doanh nghiệp đăng ký địa chỉ kinh doanh tại huyện Cam Lâm nhưng thực tế không hoạt động trên tại địa phương nên khi doanh nghiệp luôn đóng cửa, không có người doanh nghiệp làm việc

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu thị trường lao động Phần Cung lao động năm 2018 của phòng Lao động – TBXH./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở LĐ-TBXH tỉnh;
- UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TRƯỞNG PHÒNG**

**Phan Ngọc Châu**